TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/DS-ST
Ngày: 11- 4- 2018
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thám
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến
2. Ông Trần Đăng Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Quy Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số 185/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-DS ngày 26/02/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Kim Ph, sinh năm: 1963 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 11, ấp Cần Thạnh, xã Cần Đ, huyện Châu Th, An G.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn A, sinh năm: 1968 (vắng mặt)
Bà Mai Thị B, sinh năm: 1979 (vắng mặt)
Cùng cư trú: Tổ 16, ấp Cần Thới, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 02/11/2017, biên bản hòa giải ngày 15/12/2017 và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trương Thị Kim Ph trình bày:

Vào ngày 22/8/2017, do quen biết với nhau nên bà có cho vợ chồng ông Lê Văn A, bà Mai Thị B vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, mục đích ông A, bà B vay tiền để đáo nợ ngân hàng, thời hạn vay 04 tháng, ông A, bà B có làm biên nhận nợ ngày 22/8/2017, sau đó đến ngày

29/9/2017 ông A, bà B vay thêm 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Trong quá trình vay tiền, ông A, bà B có nộp lãi được số tiền 8.000.000đ, vốn còn nợ nguyên. Sau khi bà làm đơn khởi kiện đến Tòa án thì ông A, bà B có trả vốn được số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), còn lại 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) thì không trả.

Nay bà Ph yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lê Văn A, bà Mai Thị B phải có nghĩa vụ trả nợ 01 lần số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tính lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 22/9/2017 cho đến khi xét xử.

Tại tờ tự khai ngày 24/11/2017, biên bản hòa giải ngày 15/12/2017 bị đơn bà Mai Thị B trình bày:

Bà thống nhất toàn bộ như nội dung trình bày của bà Trương Thị Kim Ph. Bà xác nhận vào ngày 22/8/2017, do sự quen biết với nhau nên ông Lê Văn A là chồng của bà có vay tiền của bà Ph số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận khi trả vốn thì tính tiền lãi, mục đích vay tiền để đáo nợ ngân hàng, thời hạn vay 03 ngày và có làm biên nhận nợ với bà Ph đề ngày 22/8/2017, sau đó đến ngày 29/9/2017 vay thêm 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Trong quá trình vay tiền thì ông bà không trả vốn, lãi cho bà Ph nên bà Ph làm đơn khởi kiện ông, bà đến Tòa án thì ông, bà có trả cho bà Phđược số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), còn lại 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) thì chưa trả cho bà Ph.

Nay bà B xác nhận, bà và ông A có nợ bà Ph số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), bà B cho rằng hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên bà xin được trả nợ cho bà Ph hàng tháng là 500.000đ, nếu có tiền nhiều thì trả nhiều hơn cho đến khi hết nợ và xin miễn tính lãi.

Đối với ông Lê Văn A: Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Châu Th có tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông A vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Th, về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự là đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Ông Lê Văn A, bà Mai Thị B là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tống đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông A, bà B vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông A, bà B theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2017 bà Trương Thị Kim Ph yêu cầu ông Lê Văn A, bà Mai Thị B phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà 1 lần số tiền vốn 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà Ph xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000đ, bà chỉ yêu cầu ông A, bà B phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà 1 lần số tiền vốn 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và đồng ý điều chỉnh phần lãi suất chậm trả theo qui định của pháp luật. Thời gian tính lãi từ ngày 22/8/2017 cho đến khi xét xử. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Ph là hoàn toàn phù hợp.

Mối quan hệ hợp đồng vay tài sản giữa bà Ph với ông A, bà B trên thực tế có xảy ra, sự việc được chứng minh qua 02 tờ biên nhận nợ lập cùng ngày 22/8/2017, tờ tự khai ngày 24/11/2017, biên bản hòa giải ngày 15/12/2017 thì bà Mai Thị B đều thừa nhận. Bà B xác nhận, bà và ông A có nợ bà Trương Thị Kim Ph số tiền vốn 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và đồng ý trả nợ cho bà Ph, nhưng bà B cho rằng hiện nay gia đình bà khó khăn về kinh tế nên không có khả năng trả nợ 1 lần cho bà Ph.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Th có ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX xem xét, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải liên đới trả nợ cho nguyên đơn số tiền 200.000.000đ và tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy, trong mối quan hệ vay tài sản phía bị đơn là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là nộp lãi đúng định kỳ và trả vốn khi đến hạn. Việc vi phạm này đã ít nhiều cũng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn. Do đó, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn bà Ph và buộc phía bị đơn ông A, bà B phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Ph 1 lần số tiền vốn 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và điều chỉnh lại phần lãi suất theo quy định của pháp luật là hoàn toàn phù hợp.

- Thời gian tính lãi từ ngày 22/8/2017 đến ngày 11/4/2018 = 07 tháng 20 ngày.

+ Vốn 200.000.000đ x lãi 1,66% x 07 tháng 20 ngày = 25.453.000đ

+ Lãi 25.453.000đ – lãi đã nộp 8.000.000đ = 17.453.000đ

+ Vốn 200.000.000đ + lãi 17.453.000đ = 217.453.000đ

Như vậy, nghĩ nên xác lập mối quan hệ tranh chấp trên. Buộc ông Lê Văn A, bà Mai Thị B phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Trương Thị Kim Ph số tiền 217.453.000đ (Hai trăm mười bảy triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn đồng).

Nếu ông Lê Văn A, bà Mai Thị B có thật sự khó khăn về kinh tế, không khả năng trả nợ thì có thể được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

Về án phí:

Ông Lê Văn A, bà Mai Thị B cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Trương Thị Kim Ph được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim Ph.

Buộc ông Lê Văn A, bà Mai Thị B phải liên đới trả cho bà Trương Thị Kim Ph số tiền 217.453.000đ (Hai trăm mười bảy triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Ông Lê Văn A, bà Mai Thị B cùng phải chịu 10.872.000đ (mười triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị Kim Ph được nhận lại số tiền 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003117 ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh An G.

Báo cho bà Ph được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án **(11/4/2018)**. Ông A, bà B được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- VKSND huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV – THA tỉnh;
- CCTHA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thám